

Số: 301/2021/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: - Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1961;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: P201 nhà A tập thể 222D Đ, phường L, quận B, thành phố H.

Bị đơn: - Anh Nguyễn H, sinh năm 1958;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: P201 nhà A tập thể 222D Đ, phường L, quận B, thành phố H.

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 211, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Nguyễn Thị H** và anh Nguyễn H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn H kết hôn kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn số 103/Q1, ngày 12/11/1984 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố H.

2.2. Về nuôi con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A (nam)– sinh ngày 08/9/1985 và cháu Nguyễn Thu G (nữ), sinh ngày 13/11/1996. Cả hai cháu đã trưởng thành, cháu Duy A đã có gia đình riêng, cháu G đã trưởng thành và có việc làm ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.4. Về nhà ở: Anh chị không có nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa không xem xét.

2.6. Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu cả 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng lệ phí ly hôn số AA/2020/0067096 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ba Đình. Chị H đã nộp đủ 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại chị H số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND Quận Ba Đình ;*
- *Chi cục THADS Quận Ba Đình;*
- *UBND phường B, quận H, thành phố H.*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP/TA.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

NGÔ THỊ VÂN